

# NÂNG CAO NĂNG LỰC TỰ HỌC CHO SINH VIÊN HỌC TIẾNG ANH

**ThS. NGUYỄN THỊ LAN ANH**  
Đại học Quốc gia Hà Nội

## 1. Đặt vấn đề

Khoa Quốc tế trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội là một trong những cơ sở đào tạo công lập đi đầu thực hiện các chương trình liên kết đào tạo quốc tế đa ngôn ngữ. Với sinh viên (SV) theo học chương trình đại học hệ tiếng Anh, tiếng Anh không chỉ là môn điều kiện tiên quyết mà còn là phương tiện quan trọng nhất khi theo học các khóa học liên kết với các trường đối tác đến từ Mỹ, Úc, Malaysia và một số quốc gia khác.

Do tiến hành đào tạo SV theo phương pháp cải tiến, Khoa Quốc tế luôn chú trọng đào tạo SV theo hướng lấy người học làm trọng tâm. Từ đó có thể khẳng định rằng việc nâng cao năng lực tự học (NLTH) tiếng Anh đối với SV tại khoa ngay từ khi mới vào trường là rất cần thiết. Khi SV tại khoa được nâng cao NLTH hay ý thức rõ ràng về trách nhiệm của mình, tự chủ trong việc học tiếng Anh, các em sẽ thành công hơn với việc học tiếng Anh.

## 2. Khái niệm về NLTH (Learner Autonomy)

Holec (1981) định nghĩa "tự học" ngắn gọn là "năng lực tự chịu trách nhiệm cho việc học của chính mình". Nó đã trở thành định nghĩa được trích dẫn nhiều nhất trong các bài nghiên cứu liên quan [1].

Trong nghiên cứu có liên quan, Littlewood (1999) đã đề xuất 2 cấp độ của tự chủ trong học tập, đó là Proactive autonomy (hoàn toàn chủ động) và Reactive autonomy (chủ động một phần). Với Proactive autonomy, người học hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc học của mình, từ xác định mục tiêu, phương thức học tập đến đánh giá kết quả học tập và lập ra kế hoạch học tập cá nhân. Còn với Reactive autonomy, SV tiến hành các hoạt động học tập của mình theo hướng đã định sẵn. Theo cách này, SV không tự xác lập định hướng học tập của mình nhưng khi giảng viên đã đưa ra định hướng thì SV có thể "tự sắp xếp việc học cá nhân" để đạt được mục tiêu đã đề ra [2].

Ở Việt Nam, khi luận bàn về vấn đề tự học, Đặng Tín Tấn cho rằng, "tự học" nói đến "việc học tập mà không phụ thuộc chủ đạo vào người dạy", đối lập với việc học thụ động của chế độ phong kiến - học trò "chủ yếu phụ thuộc vào sách vở và giáo viên, phải thuộc lòng từng câu chữ, hành văn" [3]. Cao Xuân Hạo (2001) cho rằng, "tự học" có nghĩa là người học "giữ vai trò chủ động trong việc tiếp thu tri thức và bổ sung, chỉnh lí những tri thức đã được học từ những người thầy" hay "từ cả những người bạn hay những người học trò của mình nữa" [4].

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi sử dụng định nghĩa của Cao Xuân Hạo đưa ra, được thể hiện bằng cụm từ NLTH. Nói theo cách khác, phương thức tự học trong bài viết này có nghĩa là những cách để giúp cho SV nâng cao khả năng chủ động với việc học tiếng Anh và ý thức được trách nhiệm với việc phát triển các kĩ năng tiếng Anh của mình.

## 3. Các phương thức nâng cao NLTH

Theo Benson (2001), khái niệm "quản lí việc học" chính là "cốt lõi của việc tự học". Theo nghĩa này, nhiệm vụ sư

phạm đặt ra là làm thế nào để SV có thể "tự kiểm soát được việc học của mình". Quá trình này bao gồm việc: Quản lí học tập (lên kế hoạch, giám sát và đánh giá việc học); kiểm soát nội dung học tập (học gì); quá trình nhận thức (tự nhận xét, tri thức siêu nhận thức).

Những mặt khác nhau về việc quản lí quá trình học này đã được Benson phân loại thành 6 phương thức để phát triển NLTH ngoại ngữ, đó là các phương thức nâng cao NLTH dựa trên các đối tượng khác nhau: Nguồn học liệu, công nghệ, chương trình giảng dạy, giảng viên, lớp học và SV.

### 3.1. Phương thức nâng cao NLTH dựa trên nguồn học liệu

Phương thức này nhấn mạnh việc cung cấp cho SV các cơ hội tự chỉ đạo việc học của mình dựa vào việc tiếp xúc với nguồn học liệu cho sẵn. Những cách này xoay quanh việc tự học (self-study), tự tiếp cận (self-access) hay học từ xa (distant-learning), trong đó các phương tiện chính để hoạt động là nguồn tài liệu và việc tư vấn (counseling). Tuy nhiên, theo Nguyễn Thị Cẩm Lê [5], những điều kiện này chưa đủ để nâng cao NLTH hay sự thành thạo về ngôn ngữ. Để hiệu quả hơn, người học cần xem xét các yếu tố khác như là cơ chế đào tạo và hỗ trợ học viên, sử dụng công nghệ hợp lí, các hệ thống hỗ trợ SV tự chỉ huy việc học, mức độ tham gia của giảng viên và học viên, sự kết hợp giữa các trung tâm tự học của SV với chương trình giảng dạy.

### 3.2. Phương thức nâng cao NLTH sử dụng công nghệ

Tương tự với phương thức dựa trên nguồn học liệu, phương thức sử dụng công nghệ cũng mang lại cho SV các cơ hội để tự chỉ huy việc học của mình dựa trên các dạng công nghệ khác nhau. Tuy nhiên, song song với các cơ hội, SV học tự chỉ huy, một số hình thức công nghệ có thể cung cấp cho SV cơ hội cộng tác với nhau. Một ví dụ của phương thức này là phương thức ứng dụng công nghệ thông tin vào học ngoại ngữ (Computer-Assisted Language Learning (CALL)) - trong đó tận dụng CD-ROM và internet vào việc học ngoại ngữ. Tuy nhiên, với phương thức này SV cần được trang bị các kĩ năng cần thiết để tận dụng tối đa các cơ hội học tập do công nghệ mang lại và không được phép "để mặc SV với công nghệ mới". Nói theo cách khác, SV vẫn rất cần có hỗ trợ từ phía giảng viên [5].

### 3.3. Phương thức nâng cao NLTH dựa vào chương trình giảng dạy

Phương thức này nhấn mạnh việc SV và giảng viên cùng trao đổi, trong đó SV tham gia quyết định lựa chọn nội dung, hoạt động, nhiệm vụ và đánh giá học tập. Phương pháp này đề cao việc SV lựa chọn nội dung học (học gì) và phương pháp học (học như thế nào) trong chương trình giảng dạy của trường. Khi SV có quyền lựa chọn trên, chương trình sẽ mang tính linh hoạt, có thể sửa chữa và thích ứng cao với SV [6].

### 3.4. Phương thức nâng cao NLTH dựa vào giảng viên

Với cách này, vai trò của giảng viên dạy ngoại ngữ là

trao quyền chủ động trong việc học cho SV. Giảng viên cần xác định rõ quá trình trao quyền này không thể thực hiện ngay được, vì thế, sẽ không đạt hiệu quả cao khi giảng viên yêu cầu SV ngay lập tức phải tự chủ. Scharle & Szabo (2000) đề xuất giảng viên tiến hành một tiến trình nâng cao NLTH cho SV gồm 3 giai đoạn sau:

**Nâng cao nhận thức:** Với giả thuyết SV không sẵn sàng chịu trách nhiệm với việc học của mình, giảng viên cần nói cho SV biết phải làm gì. Giảng viên nên truyền đạt các cách và kinh nghiệm mới cho SV, khuyến khích SV chủ động ý thức được quá trình bản chất của quá trình học. Hầu hết các hoạt động trong giai đoạn này đều được xây dựng chặt chẽ và do giảng viên kiểm soát.

**Thay đổi thái độ:** SV được tham gia các hoạt động thực hành kĩ năng nhằm thay đổi thái độ. Quá trình này cần rất nhiều sự kiên nhẫn và luyện tập và SV có nhiều cơ hội nắm quyền chủ động hơn.

**Chuyển đổi vai trò:** Quá trình này đòi hỏi sự thay đổi đáng kể trong việc giảng viên quản lí lớp học, đây là quá trình khắt khe nhất đối với giảng viên. Trong giai đoạn này, các hoạt động được nói lỏng hơn, nhờ đó, SV có sự tự do đáng kể trong việc hoàn thành các nhiệm vụ học tập. Thậm chí, SV còn có thể tự quyết định nhiệm vụ học tập của mình.

**3.5. Phương thức nâng cao NLTH dựa vào học viên**

Trong khi các phương pháp trên chủ yếu dựa trên việc cung cấp cơ hội cho SV tham gia và nắm quyền chủ động trong việc học, phương pháp này chú trọng vào việc thay đổi thái độ học tập của SV thông qua việc trang bị cho họ những kĩ năng cần thiết để họ có thể nâng cao NLTH, theo đó thành thạo hơn về ngôn ngữ. Trịnh Quốc Lập [6] đã tổng kết hai hình thức của phương thức dựa vào SV, đó là:

3.5.1. Chiến lược nâng cao quyền kiểm soát việc học theo O'Maley và Chamot (1990) có 3 chiến lược học tập cơ bản:

- **Chiến lược siêu nhận thức:** Liên quan tới việc nhận thức về quá trình học, điều này có tác dụng đáng kể đến thành công của người học. SV được khuyến khích nghĩ về quá trình học để xác định mục tiêu học tập và lựa chọn hoạt động ngôn ngữ giúp họ đạt được mục tiêu học tập;

- **Chiến lược xã hội:** Nói đến cách SV giao tiếp với nhau và kiểm soát bản thân để nâng cao năng lực ngôn ngữ. Chiến lược này được biểu hiện qua việc: (1) SV đặt ra câu hỏi để làm rõ vấn đề hoặc sửa sai; (2) SV hợp tác với bạn và (3) SV hiểu nhau;

- **Chiến lược nhận thức:** Liên quan tới việc SV tự nhận xét về quá trình học tập của mình, trong đó tự nhận xét thông qua giao tiếp là loại hình nên được khuyến khích. Littlewood (1996) lí luận rằng SV tự nhận xét thông qua giao tiếp mang lại cho SV cơ hội thực hành ngôn ngữ có thật trong đời sống đồng thời nâng cao năng lực tự định hướng bản thân.

3.5.2. Phương thức đào tạo phát triển học viên

Phương thức này bao gồm: (1) Hướng dẫn rõ ràng phương pháp học cho SV qua các cuốn cẩm nang học tập; (2) Đào tạo dựa trên các kết quả nghiên cứu về mẫu học viên sử dụng ngôn ngữ tốt; (3) Khuyến khích SV thực nghiệm các phương pháp và khám phá cách phù hợp với mình nhất; (4) Phương pháp kết hợp trong đó coi SV là sản phẩm phụ (by-product) của việc học và (5) Các phương pháp SV tự chỉ huy khuyến khích SV tự phản ánh và tự định hướng các hoạt động học tập [6].

Nguyễn Thị Cẩm Lê (2009) đã tổng kết 6 phương pháp nâng cao NLTH như sau [5]:

Phương thức nâng cao NLTH	Trọng tâm	Hình thức chính
Dựa trên nguồn học liệu	- Cung cấp cho SV các cơ hội tự định hướng việc học; - Cá nhân tự thực hiện.	- Dịch vụ tư vấn học tập cho SV; - Trung tâm tự học, học từ xa; - Tài liệu học tập.
Sử dụng công nghệ	- Cung cấp SV cơ hội tự định hướng việc học thông qua công nghệ; - SV có sự hợp tác với nhau.	- Sử dụng máy tính hỗ trợ việc học ngoại ngữ (CALL); - CD-ROM, internet; - Học qua trao đổi email.
Dựa vào chương trình giảng dạy	- SV và giáo viên trao đổi nội dung, nhiệm vụ và hoạt động học tập; - SV được tham gia vào quá trình ra quyết định; - Chuyển vai trò quyết định từ giảng viên sang SV.	- Loại giáo trình hợp lí: Chưa được quyết định trước mà được quyết định sau khi đã thông qua kết quả trao đổi giữa SV và giảng viên.
Dựa vào giảng viên	- Đào tạo chuyên môn cho giảng viên; - Vai trò giảng viên.	- Thay đổi quan niệm, tính cách và phương pháp thực hành của giảng viên để nâng cao NLTH; - Giảng viên đóng vai trò người giúp đỡ, hướng dẫn và tư vấn cho SV.
Dựa vào lớp học	- Qua các mối quan hệ của SV và thực hành trên lớp; - Chuyển đổi trách nhiệm học từ giảng viên sang SV.	- SV thực hành xác định mục tiêu; - SV lựa chọn hoạt động học; - SV tự nhận xét bản thân và nhận xét bạn học; - Hoạt động học thông qua hợp tác; - SV thiết lập sản phẩm học tập dạng hồ sơ (Portfolios).
Dựa vào SV	- Thay đổi hành vi và tâm lí của SV.	- Đào tạo chiến lược học tập cho SV.

#### 4. Đề xuất một số biện pháp nâng cao NLTH của SV học tiếng Anh tại khoa Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội

##### 4.1. Phát triển NLTH của SV tại khoa Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội

Căn cứ vào điều kiện học tập tại trường, chúng tôi đề xuất một số biện pháp để nâng cao NLTH của SV học chương trình tiếng Anh dự bị tại khoa Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội trong điều kiện hiện tại.

- *Về phía nhà trường:* Nhà trường có khẩu hiệu “học tập và sáng tạo cùng thế giới” hướng tới việc phát triển việc nâng lực học tập cũng như năng lực sáng tạo của SV. Tuy nhiên, ở một mức độ nào đó, mục tiêu phát triển NLTH vẫn chưa được đề ra và thực hiện rõ ràng;

- *Về phía giảng viên:* Giảng viên trong trường đều là những người được đào tạo bài bản từ các trường đại học trong nước và quốc tế, là những người có bằng cấp và kinh nghiệm lâu năm trong việc giảng dạy. Theo nghiên cứu và quan sát, hầu hết giảng viên trong trường đều coi trọng việc phát triển NLTH cho SV, tuy nhiên một số giảng viên vẫn chưa thực sự quan tâm đến vấn đề này, hoặc có thái độ chưa tích cực về NLTH của SV mình;

- *Về phía SV:* Qua nghiên cứu và quan sát, nhiều SV chưa có khả năng tự học cao. Nhiều em có tâm lý phụ thuộc vào nhà trường và giảng viên, chưa ý thức được vai trò quan trọng của cá nhân mình trong việc học tốt ngoại ngữ và chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm cho việc học của mình. Điều này xuất phát từ một số lí do cơ bản sau: (1) Các em mới bước chân vào trường đại học, vẫn ảnh hưởng nhiều bởi phương pháp dạy học thụ động ở trường phổ thông, trông chờ giảng viên và nhà trường sẽ mang lại cho mình kết quả học tập tốt; (2) Bản thân các em chưa có nhiều kinh nghiệm tự học; (3) Nhiều em chưa có quan niệm đúng đắn về việc học, từ việc xác định mục tiêu học tập, phương pháp học đến tự đánh giá bản thân.

##### 4.2. Một số biện pháp nâng cao NLTH của SV tại khoa Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội

Dựa trên phân tích về điều kiện của nhà trường, giảng viên và SV, chúng tôi đưa ra một số đề xuất để nâng cao NLTH cho SV trong trường như sau:

- *Chương trình giảng dạy cần nêu rõ mục tiêu, hình thức cụ thể và tạo điều kiện để phát triển NLTH cho SV.* Ví dụ, ngoài các kĩ năng về ngôn ngữ, có thể lồng ghép các môn học như kĩ năng học tập. Trong suốt quá trình học tiếng Anh, các kĩ năng học tập cũng nên được giới thiệu và củng cố cho SV. Một ví dụ nữa về hình thức đánh giá kiểm tra, chương trình dự bị áp dụng phương pháp đánh giá học tập xuyên suốt quá trình học (continuous assessment), trong đó SV được đánh giá dựa vào nhiều đầu điểm như điểm chuyên cần, điểm mini test, điểm giữa kì và điểm cuối kì. Nếu trường có thể giảm bớt tỉ trọng của kì thi cuối kì vào các điểm khác như chuyên cần hay mini test, SV sẽ bớt đi gánh nặng thi cuối kì và sẽ tập trung vào học tốt trong suốt kì học chứ không đợi đến gần ngày thi cuối kì mới cố gắng;

- *Tạo điều kiện thuận lợi hơn cho SV có cơ hội thực hành kĩ năng tiếng Anh trong môi trường thực tế.* Khoa Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội có mục tiêu “đào tạo SV trong môi trường quốc tế” và đã cố gắng thực hiện bằng nhiều cách như mời giảng viên bản ngữ giảng dạy, tuyển sinh SV các nước khác, hay Đoàn Thanh niên khoa Quốc tế cũng tạo ra nhiều sân chơi để SV hiểu văn hóa các nước nói tiếng Anh hay tổ chức câu lạc bộ tiếng Anh. Tuy nhiên, SV vẫn cần có nhiều hoạt động và môi trường thuận lợi hơn nữa để có thể “tắm trong ngôn ngữ”. Nếu SV có cơ hội tham gia các hoạt động thực tế phải sử dụng tiếng Anh, SV sẽ nhận ra mục tiêu quan trọng của việc học tiếng Anh. Ví dụ, các hoạt động

thường niên của trường đã thu hút số lượng lớn SV tham dự nhưng Halloween Night hay Valentine Day có thể yêu cầu sử dụng hoàn toàn tiếng Anh để giao tiếp;

- *Thúc đẩy việc SV sử dụng tài liệu tham khảo cũng như công nghệ trong việc học tiếng Anh.* Gần đây, khoa đã đầu tư để hiện đại hóa thư viện nhằm phục vụ nhu cầu tự học của SV như cung cấp nguồn tài liệu in và cả tài liệu số, tài liệu online như ProQuest. Tuy nhiên, không phải SV nào cũng biết cách khai thác nguồn tài liệu hữu ích này. Khoa có thể thiết lập một bộ phận chuyên môn tư vấn để sẵn sàng cung cấp SV những kinh nghiệm quý báu, hỗ trợ SV sử dụng nguồn học liệu và giải đáp thắc mắc của SV. Có được sự hỗ trợ đó, SV sẽ tự tin nhiều hơn trong việc chủ động học tập ngoài giờ học trên lớp;

- *Phát huy vai trò của giảng viên trong việc nâng cao NLTH tiếng Anh.* Nhà trường có thể cung cấp các khóa học chuyên môn, các buổi hội thảo nhằm nâng cao ý thức của giảng viên về việc phát triển NLTH cho SV, giúp giảng viên tự tin hơn trong việc hỗ trợ SV phát triển năng lực cá nhân. Đồng thời, nhà trường cũng nên tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên tự tìm tòi và áp dụng các biện pháp giúp SV nâng cao NLTH. Trong quá trình chuyển đổi vai trò chủ động từ giảng viên sang SV, giảng viên trước hết phải là những chuyên gia trong lĩnh vực tư vấn và hướng dẫn SV tự học. Giảng viên cần nhận thức quá trình phát triển NLTH cho SV là một chặng đường dài, cần sự kiên nhẫn, bền bỉ và phương pháp đúng đắn của giảng viên.

#### 5. Kết luận

Chúng tôi đề xuất một vài cách để nâng cao NLTH cho SV khoa Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội nói riêng và cho SV các trường đại học nói chung. Các cấp quản lí trường đại học và giảng viên có thể tham khảo các biện pháp nêu trên để có thể điều chỉnh môi trường dạy và học tại khoa nhằm giúp SV phát triển tối đa NLTH cũng như năng lực bản thân.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Holec, (1981), *Autonomy in Foreign Language Learning*, NXB Pergamon, Oxford.
- [2]. Littlewood, W., (1999), *Defining and developing learner autonomy*, East Asian context Applied linguistics.
- [3]. Đặng Tín Tấn, (2010), *Learner Autonomy in EFL Studies in Vietnam: A Discussion from Sociocultural Perspective*, English Language Teaching.
- [4]. Cao Xuân Hạo, *Bàn về chuyện tự học*, Tạp chí Kiến thức ngày nay, số 396, 2011.
- [5]. Nguyễn Thị Cẩm Lê, (2009), *Learner autonomy and EFL learning at the tertiary level in Vietnam*.
- [6]. Trịnh Quốc Lập, (2005), *Stimulating Learner Autonomy in English Language Education*, University of Amsterdam, Amsterdam.

#### SUMMARY

*Learner autonomy has been considered as a key factor determining the success of learner in learning foreign languages process. Studies have shown that when students realize the importance of the study and take responsibility for their own learning, they often achieve better results in learning foreign languages. The paper presents a number of measures to improve learner autonomy for students to learn English in teaching languages at the International Faculty – The Vietnam National University, Hanoi.*

**Keywords:** *Learner autonomy, students, English.*